

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1194/2026/DS - PT

Ngày: 28 - 8 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng và thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Giang.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 và 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1255/2026/TLPT- DS ngày 21 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thừa kế tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 298/2026/DS-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1680/2026/QĐ-PT, ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C. Trụ sở chính: Số A, đường T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng H - Trưởng phòng bán lẻ. Địa chỉ: Số C, đường C, phường N, thành phố Cần Thơ (*Theo văn bản ngày 20/02/2025*), (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thanh H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thanh H1, sinh năm 1970, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số B, đường V, phường B, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2026), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Công T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ, (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1980; Bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1995. Cùng địa chỉ: Số C, đường N, phường T, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2025), (vắng mặt).

2. Ông Trần Công K, năm 1972 (chết năm 2024).

Những người thừa kế gồm:

2.1. Bà Phạm Thanh H1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

2.2. Em Trần Thanh N, sinh năm 2008 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thanh H1 đối với tranh chấp thừa kế: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số B, đường V, phường B, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2025) (vắng mặt).

3. Ông Trần Công N1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

4. Bà Trần Hạnh U, sinh năm 1969, (có mặt).

5. Bà Lê Trần Thiên Ý, sinh năm 1984, (vắng mặt).

6. Ông Trần Đoàn Trung H2, sinh năm 1996, (vắng mặt).

7. Ông Đặng Trần Vĩnh T3, sinh năm 1990, (vắng mặt).

8. Ông Đặng Trần Vĩnh T4, sinh năm 1995, (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H trình bày: Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh T8 (gọi tắt V1) với bà Phạm Thanh H1, ông Trần Công K và Doanh nghiệp tư nhân V có xác lập các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay số 82498.208/2021-HĐCV/NHCT824 ngày 11/5/2021 giữa V1 với bà Phạm Thanh H1, ông Trần Công K. Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây dựng nhà ở phục vụ đời sống tại thửa số 51, tờ bản đồ 48, địa chỉ số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, số tiền cho vay tối đa: 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 120 tháng và hình thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng, được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày hai mươi lăm (25) hàng tháng (nếu ngày 25 rơi vào thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ sẽ được

chuyển sang ngày làm việc kế tiếp).

2. Hợp đồng cho vay số 82498.212/2022-HĐCV/NHCT824 ngày 29/9/2022 giữa V1 với bà Phạm Thanh H1, ông Trần Công K. Mục đích vay: Giải ngân nguồn vốn đã ứng vốn thanh toán chi phí sửa chữa nhà ở phục vụ đời sống tại thửa đất số 51 tờ bản đồ 48, địa chỉ số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ, số tiền cho vay tối đa: 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 120 tháng và hình thức trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng, được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày hai mươi lăm (25) hàng tháng (nếu ngày 25 rơi vào thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp).

3. Khoản cấp cho vay phát hành thẻ tài chính cá nhân, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân số 82498-1600092795.16 ngày 09/6/2023 và các giấy đề nghị gia hạn/điều chỉnh HMTD/Thay đổi hình thức bảo đảm tín dụng kiêm văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng được ký kết giữa V1 với bà Phạm Thanh H1. Mục đích vay: Tiêu dùng phục vụ đời sống, số tiền cho vay tối đa: 900.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 60 tháng và hình thức trả nợ: 2% dư nợ sao kê hàng tháng (Ngày sao kê là ngày 10 hàng tháng), được trả định kỳ một (01) tháng một lần vào ngày sáu (06) hàng tháng.

4. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT824-DNTNTHANHUUONG ngày 27/10/2023 giữa V1 với bà Phạm Thanh H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng, dư nợ gốc đến ngày 19/02/2025: 2.947.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 12 tháng với mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, nội thất và xe ô tô đã qua sử dụng. Phương thức trả nợ: Lãi trả 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, nếu ngày 25 rơi vào thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp. Thời hạn trả gốc theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng/giấy nhận nợ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, bà Phạm Thanh H1, ông Trần Công K có thể chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 213,1m² (150m² đất ODT + 63.1m² CLN) và nhà ở riêng lẻ, diện tích 128.19m², thửa đất số 51, tờ bản đồ số: 48, tọa lạc 251/48, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CB 582992 (Số vào sổ cấp GCN: CH02537) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14/01/2016, cập nhật đăng ký biến động theo hồ sơ gần nhất ngày 11/5/2016.

- Quyền sử dụng đất diện tích 379m² (Trong đó có, 150 m² đất ONT, 229 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 132751 (Số vào sổ cấp GCN: CH01251) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 17/01/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thanh H1 và Doanh nghiệp tư nhân V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phát sinh nợ quá hạn từ ngày 26/9/2024 nên V1 khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Phạm Thanh H1 thanh toán nợ vay tạm tính đến ngày 19/02/2025 với tổng số tiền là 2.176.820.841 đồng. Cụ thể:

+ Theo Hợp đồng cho vay số 82498.208/2021-HĐCV/NHCT824 ngày 11/5/2021 với tổng số tiền là 701.612.210 đồng (Trong đó, nợ gốc là 671.477.688 đồng, lãi trong hạn là 3.237.810 đồng và lãi quá hạn là 26.896.712 đồng).

+ Theo Hợp đồng cho vay số 82498.212/2022-HĐCV/NHCT824 ngày 29/9/2022 với tổng số tiền là 505.379.373 đồng (Trong đó, nợ gốc là 480.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.735.343 đồng và lãi quá hạn là 22.644.030 đồng).

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân số 82498-1600092795.16 ngày 09/6/2023 với tổng số tiền là 969.829.258 đồng (Trong đó, nợ gốc là 898.959.757 đồng và nợ lãi là 70.869.501 đồng).

- Buộc bà Phạm Thanh H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V thanh toán nợ vay tạm tính đến ngày 19/02/2025 với tổng số tiền là 3.088.342.952 đồng (Trong đó, nợ gốc là 2.947.000.000 đồng, lãi trong hạn là 110.289.592 đồng và lãi quá hạn là 31.053.360 đồng).

- Buộc bà Phạm Thanh H1 cũng là Chủ Doanh nghiệp tư nhân vật liệu xây dựng Thanh H1 tiếp tục trả nợ lãi, lãi quá hạn, phí cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay và hợp đồng thẻ tín dụng cá nhân trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 19/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trường hợp, bà Phạm Thanh H1 cũng là Chủ Doanh nghiệp tư nhân V không trả được nợ thì đề nghị Tòa án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Phạm Thanh H1 trình bày: Chồng bà là ông Trần Công K (chết ngày 06/3/2024), cha mẹ chồng là ông Trần Công T5 (chết năm 2016) và bà Lê Nguyễn Thiên T6 (chết năm 2019). Bà với ông Trần Công K có 01 người con tên Trần Thanh N, sinh năm 2008, ngoài ra ông K không có con riêng, con nuôi nào khác. Bà thống nhất với trình bày của V1 về việc xác lập các hợp đồng tín dụng cũng như khoản nợ vay tạm tính đến ngày 31/3/2025. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho thời gian để tự bán tài sản trả nợ vay. Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Trần Công T thì bà không đồng ý bởi các lý do như sau:

+ Quyền sử dụng đất và căn nhà tọa lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 48 là tài sản của chồng bà (ông Trần Công K), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 582992 (Số vào sổ cấp GCN: CH02537) được Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 14/01/2016, đăng ký biến động sang tên ông Trần Công K ngày 11/5/2016.

+ Nguồn gốc quyền sử dụng đất và căn nhà nêu trên là của cha mẹ chồng bà là ông Trần Công T5 và bà Lê Nguyễn Thiên T6, năm 2015, ông Trần Công T5 qua đời. Đến ngày 09/4/2016, mẹ chồng bà và những người thừa kế khác gồm:

Ông Trần Công N1, bà Trần Hạnh U và ông Trần Công T đã từ chối nhận phần di sản của cha chồng bà để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ và đồng thời tuyên bố tặng cho toàn bộ phần di sản này cho ông Trần Công K thừa hưởng. Việc thỏa thuận phân chia di sản nêu trên được lập thành văn bản và được Văn phòng C1 chứng nhận số 22-2016, quyền số I/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/4/2016. Cùng ngày 09/4/2016, bà Lê Nguyễn Thiên T6 cũng đã lập Hợp đồng tặng cho ông Trần Công K $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ còn lại. Hợp đồng tặng cho này cũng được Văn phòng C1 chứng nhận số 308-2016, quyền số III/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/4/2016. Đến ngày 11/5/2016, ông Trần Công K đã hoàn thành thủ tục đăng ký sang tên trên Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Sau đó, vợ chồng bà đã xây dựng và cải tạo căn nhà như hiện trạng hiện nay.

Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, vợ chồng bà đã thế chấp quyền sử dụng đất và căn nhà nêu trên cho V1 để vay vốn làm ăn kinh doanh.

+ Ngày 06/3/2024, ông Trần Công K chết có để lại di chúc giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà tại số B, đường T nêu trên lại cho bà thừa hưởng.

+ Ngày 21/5/2024, bà và người con ruột là cháu Trần Thanh N đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất và căn nhà nêu trên, được Văn phòng C2 chứng nhận số 4218, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo đó, bà được hưởng $\frac{2}{3}$ và cháu Trần Thanh N hưởng $\frac{1}{3}$ đối với tài sản nêu trên, đồng thời có trách nhiệm tiếp tục thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với V1.

Từ những lý do trên, có thể thấy rằng toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công T là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này.

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Trần Công T và tại phiên tòa người đại diện của ông T trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48, diện tích 213,1m², địa chỉ thửa đất tọa lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ là của cha mẹ ruột ông Trần Công T để lại. Cụ thể, là ông Trần Công T5 (chết ngày 31/7/2015, theo giấy chứng tử số 60 ngày 04/8/2015) và bà Lê Nguyễn Thiên T6 (chết ngày 01/6/2019, theo giấy chứng tử số: 48 ngày 03/6/2019). Khi ông Trần Công T5, bà Lê Nguyễn Thiên T6 chết, gia đình ông Trần Công T chưa mở thủ tục, chưa phân chia di sản thừa kế, trên thực tế nhà đất hiện nay vẫn do ông T và người chị ruột là bà Trần Hạnh U, quản lý và sử dụng. Ông T, bà U đã xây nhà bê tông cốt thép, sử dụng ổn định từ năm 2015 cho đến nay không ai tranh chấp. Trước đây, khi ông Trần Công K còn sống thì ông K đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Công T5, bà Lê Nguyễn Thiên T6 nhưng khi ông K mất đi thì bà H1 (vợ ông K) đã không giao trả lại giấy chứng nhận cho anh em còn lại là những người

có quyền thừa kế của ông T5, bà T6. Lúc sinh thời, ông Trần Công T5 và bà Lê Nguyễn Thiên T6 có tổng cộng 06 người con gồm:

1. Bà Trần Hạnh N2, chết năm 2014. Bà N2 có 02 đồng thừa kế thế vị là: Bà Lê Trần Thiên Ý, sinh năm: 1984 (con ruột bà N2) và ông Đoàn Trần Trung H4, sinh năm: 1996 (con ruột bà N2).

2. Ông Trần Công N1, sinh năm 1964.

3. Bà Trần Hạnh U, sinh năm 1969.

4. Ông Trần Công K, chết năm 2024. Ông K có 02 đồng thừa kế theo pháp luật là: Bà Trần Thanh N, sinh năm 2008 (Con của ông K) và bà Phạm Thanh H1, sinh năm 1970 (Vợ của ông K).

5. Ông Trần Công T, sinh năm 1977.

6. Ông Trần Công M, chết năm 1990, giấy trích lục khai tử số: 129/TLKT-BS ngày 04/3/2025. Lúc sinh thời ông M không có vợ, con.

Vì vậy, ông Trần Công T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Phạm Thanh H1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48, diện tích 213,1m², địa chỉ thửa đất toạ lạc tại: Số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ và phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do ông Trần Công T5, bà Nguyễn Thị Thiên T7. Theo đó, di sản thừa kế sẽ được chia thành 5 phần cho năm người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, tương ứng mỗi người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất sẽ được nhận 1/5 kỷ phần. Ông Trần Công T được nhận 1/5 kỷ phần đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 48, diện tích 213,1m², toạ lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Người đại diện nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thanh H1 và Chủ Doanh nghiệp tư nhân V thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và lãi theo các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 28/4/2026 như sau:

+ Theo Hợp đồng cho vay số 82498.208/2021-HĐCV/NHCT824 ngày 11/5/2021 với tổng số tiền là 793.495.456 đồng (Trong đó, nợ gốc 671.477.688 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.800.495 đồng, nợ lãi quá hạn là 115.217.273 đồng).

+ Theo Hợp đồng cho vay số 82498.212/2022-HĐCV/NHCT824 ngày 29/9/2022 với tổng số tiền là 581.642.176 đồng (Trong đó, nợ gốc 480.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.717.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 95.924.839 đồng).

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân số 82498-1600092795.16 ngày 09/6/2023 với tổng số tiền là 1.214.597.647 đồng (Trong đó, nợ gốc 898.959.757 đồng; lãi 315.637.890 đồng).

+ Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT824-DNTNTHANHUUONG ngày 27/10/2023 tạm tính đến ngày 28/4/2028 với tổng số tiền là 3.550.063.733 đồng (Trong đó, nợ gốc 2.947.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.495.364 đồng, nợ lãi quá hạn là 593.568.369 đồng).

Đồng thời, bị đơn bà Phạm Thanh H1 và Doanh nghiệp tư nhân V tiếp tục thanh toán tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trong trường hợp bà Phạm Thanh H1 và Chủ Doanh nghiệp tư nhân V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 213,1m² (150m² đất ODT + 63.1m² CLN) và nhà ở riêng lẻ, diện tích 128.19m², thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48, tọa lạc số 251/48, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CB 582992 (Số vào sổ cấp GCN: CH02537) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14/01/2016, chính lý sang tên ông Trần Công K ngày 11/05/2016. Thống nhất khi tiến hành phát mãi nhà và đất sẽ trả lại cho ông Trần Công T, bà Trần Hạnh U giá trị căn nhà trên đất.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 379m² (Trong đó có, 150 m² đất ONT, 229 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 132751 (Số vào sổ cấp GCN: CH01251) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Phạm Thanh H1 ngày 17/01/2013. Đồng ý trừ lại phần diện tích đất khu mộ khi phát mãi tài sản thế chấp.

- *Đại diện của bị đơn trình bày:* Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc xác lập các hợp đồng tín dụng cũng như khoản nợ vay tạm tính đến ngày 28/4/2026. Tuy nhiên, hiện tại bà Phạm Thanh H1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng M1 lãi cho bị đơn. Trong trường hợp, bị đơn không thanh toán được nợ thì đồng ý để Ngân hàng thực hiện phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng đề nghị phát mãi nhà đất tại số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ trước, phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã T phát mãi sau. Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Công T về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất tọa lạc tại số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ do ông Trần Công T5, bà Lê Nguyễn Thiên T6 để lại là không có cơ sở. Bởi lẽ, sau khi ông Trần Công T5 chết thì vợ con ông T5 đã lập văn bản từ chối nhận, tặng cho toàn bộ phần di sản của ông T5 cho ông Trần Công K. Đồng thời, bà Lê Nguyễn Thiên T6 cũng đã lập hợp đồng tặng cho ông Trần Công K phần còn lại là tài sản riêng của bà. Các văn bản thỏa thuận, hợp đồng tặng cho đều được lập thành văn bản và được công chứng theo đúng quy định. Đến ngày 11/5/2016, ông Trần Công K đã hoàn thành thủ tục đăng ký sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T trình bày:* Do giữa ông Trần Công T, các anh em khác trong gia đình với bà Phạm Thanh H1 có thỏa thuận, sau khi bà H1 thanh toán hết nợ vay cho V1 sẽ thực hiện thủ tục tách phần nhà đất của ông T, bà U ra riêng. Vì vậy, ông Trần Công T rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đối với bà Phạm Thanh H1. Trường hợp, các bên không thỏa thuận được thì ông Trần Công T sẽ khởi kiện lại theo đúng quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hạnh U trình bày:* Nhà và đất tọa lạc tại số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ, bà đã sử dụng ổn định từ trước đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử tách, công nhận riêng cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 298/2026/DS - ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ đã quyết định như sau:

Áp dụng: Khoản 3, khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 303, khoản 1 Điều 317, Điều 319, khoản 7 Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 5, Điều 13 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N3 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

- Buộc bị đơn bà Phạm Thanh H1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP C nợ vay tạm tính đến ngày 28/4/2028 với tổng số tiền là 2.589.735.279 đồng (*Hai tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng*), theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng cho vay số 82498.208/2021-HĐCV/NHCT824 ngày 11/5/2021 với tổng số tiền là 793.495.456 đồng (Trong đó, nợ gốc 671.477.688 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.800.495 đồng, nợ lãi quá hạn là 115.217.273 đồng).

+ Hợp đồng cho vay số 82498.212/2022-HĐCV/NHCT824 ngày 29/9/2022 với tổng số tiền là 581.642.176 đồng (Trong đó, nợ gốc 480.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.717.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 95.924.839 đồng).

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân số 82498-1600092795.16 ngày 09/6/2023 với tổng số tiền là 1.214.597.647 đồng (Trong đó, nợ gốc 898.959.757 đồng, lãi 315.637.890 đồng).

- Buộc bị đơn bà Phạm Thanh H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT824-DNTNTHANHHUONG ngày 27/10/2023 tạm tính đến ngày 28/4/2028 với tổng số tiền là 3.550.063.733 đồng (Trong đó, nợ gốc 2.947.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.495.364 đồng, lãi quá hạn là 593.568.369 đồng).

- Kể từ ngày 29/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ vay, bà Phạm Thanh H1 và Doanh nghiệp tư nhân V còn phải chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

- Trường hợp bà Phạm Thanh H1 và Chủ Doanh nghiệp tư nhân V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 213,1m² đất (150m² đất ODT + 63.1m² CLN) và nhà ở riêng lẻ, diện tích 128,19m², thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CB 582992 (Số vào sổ cấp GCN: CH02537) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14/01/2016, chính lý sang tên ông Trần Công K ngày 11/05/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn khi phát mãi tài sản, ông Trần Công T, bà Trần Hạnh U được nhận giá trị nhà ở có diện tích xây dựng 76,422m².

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay thuộc xã T, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 132751 (Số vào sổ cấp GCN: CH01251) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Phạm Thanh H1 ngày 17/01/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn khi phát mãi tài sản, trừ phần diện tích đất khu mộ.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Công T về việc buộc bà Phạm Thanh H1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 48, diện tích 213,1m², tọa lạc tại số B đường T, phường N, thành phố Cần Thơ và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần nhà đất do ông Trần Công T5, bà Nguyễn Thị Thiên T7 để lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 12/5/2026 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Hạnh U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hạnh U.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu tách phần diện tích đất bà đang cất nhà ở để bà đứng tên quyền sử dụng đất riêng do phần đất này cha, mẹ bà cho ở đã lâu nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án sau khi phân tích và đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm dành quyền ưu tiên mua cho cho bà U đối với phần đất có xây dựng nhà của bà U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo do các đương sự nộp cho Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo là hợp lệ và đúng theo luật định. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hạnh U yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà tách phần đất bà xây dựng nhà để bà đứng tên riêng vì phần đất trên do cha, mẹ bà cho bà cất nhà ở từ rất lâu. Xét thấy, quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48 có nguồn gốc của cụ Trần Công T5 (chết ngày 31/7/2015) và cụ Lê Nguyễn Thiên T6, (chết ngày 01/6/2019), cụ T5 và cụ T6 có bốn người con là ông Trần Công N1, bà Trần Hạnh U, ông Trần Công K và ông Trần Công T. Ngày 09/4/2016, cụ Lê Nguyễn Thiên T6, ông Trần Công N1, bà Trần Hạnh U, ông Trần Công K và ông Trần Công T đã lập Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Trần Công T5 toàn bộ thửa đất trên và văn bản được công chứng theo quy định pháp luật. Cùng ngày 09/4/2016 cụ Lê Nguyễn Thiên T6 cũng ký hợp đồng tặng cho $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất cho ông Trần Công K và cũng được công chứng theo đúng quy định. Theo đó quyền sử dụng đất nêu trên đã được chính lý sang tên cho ông Trần Công K trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 11/5/2016. Vì vậy, việc ông Trần Công K thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để bảo đảm nợ vay Ngân hàng là hợp pháp và đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại mục 4 khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm: *“Trong trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thể chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì khi xử lý quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng đất theo như thỏa thuận giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Quyền và nghĩa vụ giữa bên thế chấp và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển giao cho người mua, người nhận chuyển quyền sử dụng đất”*. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ 28/4/2025 (BL 230 - 232) thể hiện quyền sử dụng đất thế chấp thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48, T, đường T, phường N, thành phố

Cần Thơ thì ngoài phần nhà của ông Trần Công K, bà Phạm Thanh H1, còn có căn nhà do ông Trần Công T, bà Trần Hạnh U xây dựng với diện tích xây dựng 76,422m² (01 trệt, 01 lầu), theo trình bày của các đương sự thì các căn nhà này đã tồn tại từ năm 2015 tại thời điểm thế chấp quyền sử dụng đất thì căn nhà trên đã tồn tại nhưng theo hợp đồng thế chấp thể hiện không thế chấp tài sản trên đất, 02 căn nhà tồn tại trên đất là của ông Trần Công T và bà Trần Hạnh U không phải của người thế chấp nên cần dành quyền ưu tiên cho bà Trần Hạnh U và ông Trần Công T nếu ông T và bà U có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng). Trường hợp ông T, bà U không có nhu cầu mua hoặc không đủ điều kiện mua thì ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng trả giá trị nhà khi phát mãi. Bà U kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà U về việc tách quyền sử dụng đất cho bà đứng tên.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bà U và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm dành quyền ưu tiên mua cho người có tài sản trên đất.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận, nhưng do bản án sửa một phần nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 298/2026/DS-ST, ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, án tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

1.1. Buộc bị đơn bà Phạm Thanh H1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP C nợ vay tạm tính đến ngày 28/4/2028 với tổng số tiền là 2.589.735.279 đồng (Hai

tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi chín đồng), theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng cho vay số 82498.208/2021-HĐCV/NHCT824 ngày 11/5/2021 với tổng số tiền là 793.495.456 đồng (Trong đó, nợ gốc 671.477.688 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.800.495 đồng, nợ lãi quá hạn là 115.217.273 đồng).

+ Hợp đồng cho vay số 82498.212/2022-HĐCV/NHCT824 ngày 29/9/2022 với tổng số tiền là 581.642.176 đồng (Trong đó, nợ gốc 480.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.717.337 đồng, nợ lãi quá hạn là 95.924.839 đồng).

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tài chính cá nhân số 82498-1600092795.16 ngày 09/6/2023 với tổng số tiền là 1.214.597.647 đồng (Trong đó, nợ gốc 898.959.757 đồng, lãi 315.637.890 đồng).

1.2. Buộc bị đơn bà Phạm Thanh H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT824-DNTNTHANHUUONG ngày 27/10/2023 tạm tính đến ngày 28/4/2028 với tổng số tiền là 3.550.063.733 đồng (Trong đó, nợ gốc 2.947.000.000 đồng, lãi trong hạn là 9.495.364 đồng, lãi quá hạn là 593.568.369 đồng).

1.3. Kể từ ngày 29/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ vay, bà Phạm Thanh H1 và Doanh nghiệp tư nhân V còn phải chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

1.4. Trường hợp bà Phạm Thanh H1 và Chủ Doanh nghiệp tư nhân V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Dành quyền ưu tiên mua cho bà Trần Hạnh U, Trần Công T đối với phần diện tích có công trình xây dựng của bà U, ông T nếu có nhu cầu mua, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 213,1m² đất (150m² đất ODT + 63.1m² CLN) và nhà ở riêng lẻ, diện tích 128,19m², thửa đất số 51, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại số B, đường T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CB 582992 (Số vào sổ cấp GCN: CH02537) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 14/01/2016, chính lý sang tên ông Trần Công K ngày 11/05/2016. Dành quyền ưu tiên chuyển nhượng đối với diện tích đất xây dựng nhà cho bà Trần Hạnh U, ông Trần Công T. Trường hợp bà U, ông T không có nhu cầu mua hoặc không có điều kiện mua khi phát mãi tài sản, ông Trần Công T, bà Trần Hạnh U được nhận giá trị nhà ở có diện tích xây dựng 76,422m².

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay thuộc xã T, thành phố Cần Thơ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 132751 (Số vào sổ cấp GCN: CH01251) do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Phạm Thanh H1 ngày 17/01/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn khi phát mãi tài sản, trừ phần diện tích đất khu mộ.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Công T về việc buộc bà Phạm Thanh H1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 48, diện tích 213,1m², tọa lạc tại số B đường T, phường N, thành phố Cần Thơ và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần nhà đất do ông Trần Công T5, bà Lê Nguyễn Thiên T6 để lại.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bị đơn phải chịu 27.317.840 đồng (*Hai mươi bảy triệu, ba trăm mười bảy nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*), do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng TMCP C số tiền này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C được nhận lại 56.632.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*), theo Biên lai thu số 0005798 ngày 06/3/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn bà Phạm Thanh H1 và Chủ Doanh nghiệp tư nhân V phải chịu 114.139.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn đồng*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T được nhận lại 9.875.000 đồng (*Chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu số 006143 ngày 28/4/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Hạnh U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên số 0009160 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 1 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy